

Bản án số: 324/2022/DS-ST  
Ngày 16-9-2022  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Tuyết Mai.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Võ Thành Viên.

Ông Nguyễn Văn Soan.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hải Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 530/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 313/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 283/2022/QĐST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; trụ sở: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đức T, sinh năm: 1984; địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền số 301/2020/UQ-TTT ngày 25/9/2020) (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

***- Bị đơn:*** Bà Phạm Thị Phương M; địa chỉ: Đường D (Số cũ đường Đ), Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2020, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S trình bày như sau:

Vào ngày 21/7/2011, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bà Phạm Thị Phương M có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (Bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của bà M, Ngân hàng đã đồng ý cấp 02 thẻ tín dụng (gồm thẻ Visa Parkson 464932-3765, thẻ Visa Ladies First 486265-2152) với hạn mức sử dụng chung là 12.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 19.281.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, bà M đã thanh toán cho ngân hàng số tiền là 10.400.000 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà M vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà M vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà M, cụ thể: Thẻ Visa Parkson 464932-3765 ngày 26/3/2012, thẻ Visa Ladies First 486265-2152 ngày 21/3/2012 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị Phương M phải có nghĩa vụ thanh toán một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền còn nợ là 58.719.640 (Một trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm bốn mươi ba ngàn không trăm sáu mươi bảy) đồng, trong đó: Nợ gốc là: 11.474873 đồng, nợ lãi là 47.244.767 đồng (tính đến ngày 16/9/2022). Bà Phạm Thị Phương M còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 17/9/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn là bà Phạm Thị Phương M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa nhưng bà Phạm Thị Phương M vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn được thực hiện đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, có cơ sở xác định đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Do bị đơn hiện có đăng ký hộ khẩu thường trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Đức T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn là bà Phạm Thị Phương M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Đức T và bà Phạm Thị Phương M theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

Theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 21/7/2011 (Bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) có hình thức và nội dung phù hợp quy định của Bộ luật Dân sự 2015 nên căn cứ các quy định của Bộ luật Dân sự 2015 để giải quyết vụ án.

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Xét thấy Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 21/7/2011 (Bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) được các bên ký kết trên tinh thần tự nguyện, nội dung hợp đồng tín dụng phù hợp với các quy định của pháp luật tại các Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và được sửa đổi, bổ sung năm 2017, không trái đạo đức xã hội, vì vậy hợp đồng tín dụng này có hiệu lực pháp luật.

- Ngân hàng đã đồng ý cấp 02 thẻ tín dụng (gồm thẻ Visa Parkson 464932-3765, thẻ Visa Ladies First 486265-2152) cho bà Phạm Thị Phương M với hạn mức sử dụng chung là 12.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà M đã thực hiện các giao dịch với tổng

số tiền là 19.281.000 đồng Trong quá trình sử dụng thẻ, bà M đã thanh toán cho ngân hàng số tiền là 10.400.000 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà M vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà M vi phạm nghĩa vụ về thời gian thanh toán nợ gốc theo hợp đồng đã ký kết nên nguyên đơn yêu cầu buộc bà M phải trả số tiền nợ gốc là 11.474873 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Xét về yêu cầu tính lãi suất:

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 và được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: "... Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".

Căn cứ Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Căn cứ Thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng.

Hội đồng xét xử nhận thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa các bên là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi tính đến ngày 16/9/2022 là 47.244.767 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về phương thức và thời hạn thanh toán: Xét, bà Phạm Thị Phương M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo như thỏa thuận đã ký kết giữa các bên. Do đó, nguyên đơn yêu cầu thanh toán một lần toàn bộ số tiền nợ nêu trên ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật và để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà Phạm Thị Phương M phải chịu 2.935.982 (Hai triệu chín trăm ba mươi lăm ngàn chín trăm tám mươi hai) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 267, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 466, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 và được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

Căn cứ Thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S:

Buộc bị đơn bà Phạm Thị Phương M phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền là 58.719.640 (Một trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm bốn mươi ba ngàn không trăm sáu mươi bảy) đồng, trong đó: Nợ gốc là: 11.474873 đồng, nợ lãi là 47.244.767 đồng (tính đến ngày 16/9/2022).

Phương thức và thời hạn thanh toán: Một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bà Phạm Thị Phương M còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn phát sinh từ ngày 17/9/2022 theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 21/7/2011 (Bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) cho đến khi trả xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Phương M phải chịu 2.935.982 (Hai triệu chín trăm ba mươi lăm ngàn chín trăm tám mươi hai) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí là 1.179.946 (Một triệu một trăm bảy mươi chín ngàn chín trăm bốn mươi sáu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0027538 ngày 02/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Tuyết Mai**